

Số: 126/2020/QĐST-HNGĐ

C, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa:

* **Nguyên đơn**: Anh **Trương Quốc T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 78/7, L, Phường 5, thành phố M, tỉnh T.

* **Bi đơn**: Chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Quốc T và chị Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh Trương Quốc T và chị Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là cháu Trương Mẫn N, sinh ngày 29/12/2016 và cháu Trương Thế K, sinh ngày 13/02/2018. Nay anh chị thỏa thuận như sau: Anh T nuôi dưỡng cháu Trương Mẫn N, sinh ngày 29/12/2016;

giao cháu Trương Thế K, sinh ngày 13/02/2018 cho chị T nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Trương Quốc T, chị Nguyễn Ngọc T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Trương Quốc T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, anh đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003095, ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được miễn trừ anh T được hoàn lại 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU